



cóng tiān ér jiàng

从天而降

idiom (verb phrase) · fall from the sky, come unexpectedly

Example Sentences

zhè fèn hǎo yùn xiàng shì cóng tiān ér jiàng

这份好运像是从天而降。

This good luck seems to have fallen from the sky.

dà yǔ cóng tiān ér jiàng lín shī le suǒ yǒu rén

大雨从天而降，淋湿了所有人。

Heavy rain fell from the sky, soaking everyone.

Trace each character, then write the word on your own.

从	从	从	从	从	从	从				
天	天	天	天	天	天	天				
而	而	而	而	而	而	而	而	而		
降	降	降	降	降	降	降	降	降	降	降